

Số: 1665 / QĐ-TDĐTĐN

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận kết quả thi chuẩn đầu ra tiếng Anh - trình độ B1 (Nội bộ)
khóa ngày 27/9/2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 968/QĐ-TDĐTĐN ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Ngoại ngữ Tin học Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng;

Căn cứ kết luận và đề nghị của Hội đồng thi sát hạch chuẩn đầu ra tiếng Anh và cấp chứng chỉ Tin học kỳ thi ngày 27/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi chuẩn đầu ra tiếng Anh, trình độ B1 cho 71 học viên (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Trung tâm Ngoại ngữ Tin học; các đơn vị liên quan và các học viên có tên ở điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Phòng ĐT & BDCLGD;
- Website trường;
- Lưu VT, TTNTH.

HIỆU TRƯỞNG

Phan Thanh Hải

DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH - TRÌNH ĐỘ B1 (NỘI BỘ)

KHÓA NGÀY 27/9/2026

(Kèm theo QĐ số: 1665 /QĐ-TDĐTĐN ngày 12 / 10 /2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Đà Nẵng)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Vấn đáp	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm		Xếp loại
										Điểm số	Điểm chữ	
1	Võ Thành	An	02/02/2004	Bình Định	B1-001	0.8	6	7	3.0	4.0	Bốn	ĐẠT
2	Bùi Phước Quỳnh	Anh	21/03/2005	Thừa Thiên Huế	B1-002	3.5	6.3	7.5	3.9	5.5	Năm phẩy năm	ĐẠT
3	Phan Tuấn	Anh	25/07/2004	Đà Nẵng	B1-003	0.9	6.3	7.5	1.6	4.0	Bốn	ĐẠT
4	Trương Quang	Bảo	20/03/2005	Quảng Ngãi	B1-004	1.3	4.6	7.8	2.7	4.0	Bốn	ĐẠT
5	Lê Ngọc	Bảo	02/08/2005	Quảng Nam	B1-005	1.0	5.4	7.8	2.8	4.5	Bốn phẩy năm	ĐẠT
6	Huỳnh Gia	Bảo	24/01/2005	Phú Yên	B1-006	3.3	6.3	8.0	0.9	4.5	Bốn phẩy năm	ĐẠT
7	Phạm Ngọc Gia	Bảo	11/11/2004	Kon Tum	B1-007	1.1	6.6	7.3	3.4	4.5	Bốn phẩy năm	ĐẠT
8	Nguyễn Sỹ	Bình	05/01/2004	Nghệ An	B1-008	0.8	6	8	2.0	4.0	Bốn	ĐẠT
9	Nguyễn Văn	Chiến	27/07/2005	Thừa Thiên Huế	B1-009	1.1	6.6	8.3	3.5	5.0	Năm	ĐẠT
10	Lê Minh	Đức	09/01/2005	Đà Nẵng	B1-010	1.4	5.4	7.3	3.1	4.5	Bốn phẩy năm	ĐẠT
11	Nguyễn Xuân	Đức	16/08/2005	Đắk Lắk	B1-011	0.9	4.6	7.5	2.5	4.0	Bốn	ĐẠT
12	Phạm Thành	Đức	01/06/2005	Gia Lai	B1-012	1.0	4.3	8.5	2.6	4.0	Bốn	ĐẠT
13	Phạm Trường	Giang	28/09/2005	Quảng Ngãi	B1-013	0.8	4.9	7.8	2.8	4.0	Bốn	ĐẠT
14	U Lê Minh	Hải	16/09/2005	Kon Tum	B1-014	3.0	4.6	8	0.2	4.0	Bốn	ĐẠT
15	Phan Văn Ngọc	Hải	21/08/2004	Thừa Thiên Huế	B1-015	0.8	5.4	8	2.8	4.0	Bốn	ĐẠT
16	Trần Đức	Hạnh	08/08/1995	Hà Tĩnh	B1-016	1.7	6	8	0.3	4.0	Bốn	ĐẠT

17	Huỳnh Minh	Hiền	01/01/2005	Quảng Nam	B1-017	1.0	6.6	8.3	2.4	4.5	<i>Bốn phẩy năm</i>	ĐẠT
18	Dương Quang	Hiệp	15/04/2003	Gia Lai	B1-018	3.0	2.3	8	2.2	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
19	Phan Thanh	Hiếu	05/06/2005	Quảng Nam	B1-019	4.0	2	7.3	2.2	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
20	Trần Phước	Hiếu	07/06/2001	Quảng Trị	B1-020	1.0	4.6	7.8	2.5	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
21	Phạm Ngọc	Hiếu	26/09/2005	Quảng Ngãi	B1-021	1.2	2.3	8.3	3.4	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
22	Đặng Trần	Hoàn	09/01/2005	Quảng Trị	B1-022	0.7	5.1	8.0	2.2	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
23	Mang Minh	Hoàng	11/09/2005	Gia Lai	B1-023	1.5	3.4	8.3	2.3	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
24	Nguyễn Đức	Hoàng	11/06/2005	Gia Lai	B1-024	3.0	1.7	8.3	2.5	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
25	Trần	Hùng	04/07/2004	Quảng Bình	B1-025	1.1	5.7	8.3	1.6	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
26	Nguyễn Quang	Hưng	22/05/2005	Đà Nẵng	B1-027	2.0	3.7	8.3	1.9	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
27	Hồ Thăng	Hưng	29/06/2004	Đà Nẵng	B1-028	1.0	4	8.3	2.6	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
28	Bùi Xuân	Hương	20/03/2005	Gia Lai	B1-029	4.0	5.1	7.8	2.2	5.0	<i>Năm</i>	ĐẠT
29	Dương Hồ	Huy	25/08/2005	Đắk Nông	B1-030	2.0	3.1	8.3	2.3	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
30	Huỳnh Lê	Huy	26/08/2004	Gia Lai	B1-031	2.0	3.1	8.3	2.5	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
31	Nguyễn Nhật	Huy	29/03/2004	Phú Yên	B1-032	3.0	5.1	5	2.1	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
32	Hồ Viết	Kha	01/05/2005	Quảng Nam	B1-035	4.4	4.9	5	2.8	4.5	<i>Bốn phẩy năm</i>	ĐẠT
33	Hoàng Tuấn	Khanh	06/12/2004	Gia Lai	B1-036	4.5	4.6	4.8	1.4	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
34	Phan Hoàng Gia	Khánh	04/03/2005	Thừa Thiên Huế	B1-037	3.5	4.6	4.5	2.5	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
35	Nguyễn Hoàng Ngọc	Linh	08/02/2000	An Giang	B1-041	4.5	2.3	5.5	3.0	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
36	Nguyễn Duy	Linh	10/09/2005	Gia Lai	B1-042	3.5	4	5	2.5	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
37	Trần Lưu Duy	Lộc	19/01/2005	Đà Nẵng	B1-043	5.0	5.1	5.5	3.0	4.5	<i>Bốn phẩy năm</i>	ĐẠT

38	Phạm Phi	Long	01/01/2005	Gia Lai	B1-044	3.0	4.9	5.5	2.0	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
39	Hoàng Văn Thanh	Luận	26/02/2005	Quảng Trị	B1-045	4.5	4.3	5	2.5	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
40	Thái Quỳnh	Ly	25/02/2005	Quảng Nam	B1-047	5.5	5.7	6	2.7	5.0	<i>Năm</i>	ĐẠT
41	Nguyễn Ngọc Hà	My	01/07/2005	Quảng Nam	B1-049	4.0	3.7	5	2.5	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
42	Trần Văn	Nam	12/02/2005	Nam Định	B1-050	4.0	5.4	5.5	2.6	4.5	<i>Bốn phẩy năm</i>	ĐẠT
43	Phạm Thị Kim	Ngân	22/02/2004	Quảng Nam	B1-051	5.0	5.4	5	2.9	4.5	<i>Bốn phẩy năm</i>	ĐẠT
44	Siu	Ngang	30/11/2005	Gia lai	B1-052	4.5	6.6	4.5	2.1	4.5	<i>Bốn phẩy năm</i>	ĐẠT
45	Phạm Yến	Ngọc	11/12/2005	Hà Tĩnh	B1-054	5.5	5.1	4.5	3.9	4.5	<i>Bốn phẩy năm</i>	ĐẠT
46	Lê Mỹ	Nguyên	06/01/2005	Kon Tum	B1-055	4.5	2.9	4	3.8	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
47	Đinh Huy Anh	Nguyên	14/02/2000	Đà Nẵng	B1-056	5.5	5.7	2.8	1.3	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
48	Mai Thị Yến	Nhi	28/08/2005	Quảng Bình	B1-058	5.0	2.3	5.5	2.7	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
49	Lê Trung	Nhật	20/08/2005	Đà Nẵng	B1-059	4.1	3.7	5.8	2.5	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
50	Huỳnh Đăng	Phi	20/03/2005	Phú Yên	B1-061	4.5	4.9	7.5	3.2	5.0	<i>Năm</i>	ĐẠT
51	Nguyễn Tấn	Quốc	15/12/2003	Đà Nẵng	B1-063	4.5	3.1	5.3	2.2	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
52	Nguyễn Thành	Tài	13/02/2005	Bình Định	B1-064	4.0	3.7	5.5	2.1	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
53	Nguyễn Thị	Thảo	11/09/2005	Kon Tum	B1-067	4.0	4	5	2.0	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
54	Lê Thị Phương	Thảo	17/04/2005	Hà Tĩnh	B1-068	4.5	4.3	5	1.8	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
55	Nguyễn Thanh	Thiên	13/08/2003	Bình Định	B1-069	4.0	5.1	5.5	1.3	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
56	Ung Quốc	Tín	02/11/2005	Bình Định	B1-072	3.5	4.0	5.5	2.3	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
57	Hồ Đức	Tính	07/04/2005	Quảng Ngãi	B1-073	4.0	4.3	5.3	1.4	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
58	Thái Việt Mạnh	Toàn	11/01/2005	Nghệ An	B1-074	4.0	2.9	6	3.8	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
59	Ngô Huyền	Trân	08/02/2005	Gia Lai	B1-075	3.5	4.3	6	1.7	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT

60	Phạm Thị Thuỳ	Trang	25/08/2005	Gia Lai	B1-076	2.9	5.4	4.8	2.5	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
61	Bling	Trình	06/01/2002	Quảng Nam	B1-077	4.5	5.1	4.5	1.3	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
62	Phạm Quốc	Trực	02/02/2005	Đà Nẵng	B1-078	4.0	3.4	5.8	2.2	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
63	Nghiêm Quang	Tú	17/08/2005	Đắk Lắk	B1-081	2.5	6	6.8	3.4	4.5	<i>Bốn phẩy năm</i>	ĐẠT
64	Cao Nguyễn Hoàng	Tuấn	21/04/2005	Bình Định	B1-084	3.5	4.3	6.5	1.1	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
65	Dương Minh	Tuấn	26/04/2004	Đà Nẵng	B1-085	4.0	3.4	6	2.0	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
66	Nguyễn Minh	Tuệ	07/02/2005	Đắk Lắk	B1-086	4.0	6.3	6.3	3.7	5.0	<i>Năm</i>	ĐẠT
67	Lý Văn	Tuyên	22/10/2003	Lạng Sơn	B1-088	3.5	6.3	6	0.7	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
68	Đinh Hồng	Vinh	14/02/2005	Quảng Nam	B1-089	3.0	6.6	6.3	2.6	4.5	<i>Bốn phẩy năm</i>	ĐẠT
69	Trần Tuấn	Vũ	02/09/2005	Quảng Trị	B1-090	2.5	6.6	6.3	2.3	4.5	<i>Bốn phẩy năm</i>	ĐẠT
70	Nguyễn Tường	Vũ	23/06/2004	Kon Tum	B1-091	1.5	6.6	6	2.1	4.0	<i>Bốn</i>	ĐẠT
71	Đỗ Tấn	Vỹ	14/05/2005	Đà Nẵng	B1-092	4.0	6	6.3	2.8	5.0	<i>Năm</i>	ĐẠT